

Bản án số: 98/2026/HNGĐ-ST

Ngày 08-9-2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn
có yếu tố nước ngoài”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Văn Hàn

Bà Ma Thị Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Duy Minh Hà, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Trương Tiến Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 45/2026/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Hứa Văn C, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Thôn K, xã M, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Số CCCD: 008201003959, cấp ngày 30/01/2026.

* Bị đơn: Chị Nông Thị Sao M, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Thôn Đ (nay là thôn B), xã M, tỉnh Tuyên Quang (Nơi ở hiện tại: Đài Loan, địa chỉ cụ thể không rõ). Vắng mặt lần 2 không có lý do.

Số CCCD: 008302006491, cấp ngày 17/12/2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện và tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Hứa Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nông Thị Sao M trên cơ sở tự do tìm hiểu, đã đăng ký kết hôn vào ngày 13/4/2021, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C (nay là UBND xã M), tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại

thôn K, xã M, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng cuối năm 2023, thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không hiểu nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện mà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Do đó anh và chị M đã ly thân với nhau từ tháng 02/2024 cho đến nay. Sau khi ly thân, chị M chuyển về thôn Đ (nay là thôn B), xã M, tỉnh Tuyên Quang sinh sống cùng nhà bố mẹ đẻ, đến khoảng năm 2025 anh C nghe thông tin chị M đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Kể từ khi ly thân, anh C và chị M không còn liên lạc, quan tâm đến nhau nữa, anh Chính xác Đ không còn tình cảm và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nông Thị Sao M.

- Về con chung: Quá trình chung sống, anh và chị M có 01 con chung là cháu Hứa Trung K, sinh ngày: 29/05/2021. Hiện cháu K đang sống chung với gia đình anh tại thôn K, xã M, tỉnh Tuyên Quang. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K cho tới khi cháu K trưởng thành, không yêu cầu chị M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh Chính xác Đ không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương và ông Nông Thanh T là bố đẻ của bị đơn chị Nông Thị Sao M, nội dung thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hứa Văn C và chị Nông Thị Sao M tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào năm 2021. Sau khi kết hôn anh C, chị M về sống cùng nhà với gia đình bố mẹ đẻ anh C tại thôn K, xã M, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến vợ chồng xích mích. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn nên chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn Đ (nay là thôn B), xã M, tỉnh Tuyên Quang và ly thân với anh C từ khoảng đầu năm 2024 cho đến nay mà không có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Do đó, chính quyền địa phương và người thân thích của chị Nông Thị Sao M xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Hứa Văn C và chị Nông Thị Sao M đã đến mức độ trầm trọng, không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Hứa Văn C theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh C, chị M có 01 con chung là cháu Hứa Trung K, sinh ngày 29/5/2021. Kể từ khi vợ chồng anh chị ly thân, cháu K vẫn sống cùng gia đình anh C tại Thôn K, xã M, tỉnh Tuyên Quang và được chăm sóc, nuôi dưỡng, học hành đầy đủ.

Về tài sản, đất đai và vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh C, chị M tạo lập được tài sản chung hay có vay nợ cụ thể như thế nào, đại diện chính quyền địa phương và ông T không nắm được.

Về địa chỉ hiện tại của chị Nông Thị Sao M: Đại diện chính quyền địa phương và bố đẻ chị M là ông Nông Thanh T cung cấp kể từ khi ly thân, chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống được một thời gian, sau đó chị M đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, Chị M vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng chị không thông báo địa chỉ cụ thể nơi sinh sống, làm việc hiện nay cho gia đình nên gia đình không nắm được. Toà án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ (02 lần) với bố đẻ chị M là ông Nông Thanh T, tuy nhiên, ông T không được chị M cung cấp chính xác địa chỉ hiện tại đang sinh sống, làm việc. Chị M có trao đổi lại với gia đình là nhất trí ly hôn, nhưng do điều kiện ở xa, không về nước để giải quyết được nên chị M uỷ quyền lại cho bố đẻ là ông Nông Thanh T thay mặt chị nhận các văn bản tố tụng của Toà án và thông báo lại cho chị biết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn chị Nông Thị Sao M không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và không có ý kiến gì bằng văn bản đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Hứa Văn C.

Tại phiên tòa: Anh Hứa Văn C có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nông Thị Sao M vắng mặt lần 2 không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

* **Về tố tụng:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

* **Về nội dung:**

Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273; Điều 469; Điều 476; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP, Nghị quyết Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hứa Văn C.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hứa Văn C được ly hôn với chị Nông Thị Sao M.

- Về con chung: Giao cháu Hứa Trung K, sinh ngày 29/5/2021 cho anh Hứa Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng

thành đủ 18 tuổi. Chị M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung mà không ai được cản trở và có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp; chị M không phải chịu án phí.

- Về quyền kháng cáo: Anh Chính, chị M được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ hôn nhân và thẩm quyền giải quyết: Anh Hứa Văn C và chị Nông Thị Sao M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã M, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 13/4/2021 là hôn nhân hợp pháp.

Chị M hiện đang sinh sống lao động tại nước ngoài (Đài Loan), theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 1 Luật sửa đổi một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Hứa Văn C đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nông Thị Sao M chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định và vắng mặt tại phiên toà không có lý do.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại địa phương cho thấy bị đơn chị Nông Thị Sao M có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ (nay là thôn B), xã M, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy nguyên đơn anh Hứa Văn C đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn chị Nông Thị Sao M. Chị M đi làm ăn xa nhưng không thông báo tạm trú, tạm vắng với chính quyền địa phương. Căn cứ vào các biên bản xác minh, và Công văn trả lời của Phòng Q, Công an tỉnh T về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh, nội dung thể hiện: Chị Nông Thị Sao M hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan từ ngày 04/6/2025 (xuất cảnh từ Việt Nam đến sân bay quốc tế H, và di chuyển từ Hồ N sang Đài Loan) để làm việc và cho đến nay chưa có thông tin nhập cảnh. Toà án đã tiến hành xác minh với bố đẻ của chị M là ông Nông Thanh T lần

thứ hai, tuy nhiên ông T không được chị M cung cấp chính xác địa chỉ cụ thể hiện tại ở Đài Loan nên ông không thể cung cấp cho Tòa án được.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Nông Thị Sao M, mặc dù chị M đã biết được việc anh Hứa Văn C khởi kiện xin ly hôn với mình, nhưng chị không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng, không cung cấp địa chỉ và vắng mặt không có lý do chính đáng. Như vậy đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ, cố tình vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình.

Căn cứ Điều 179, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP, Nghị quyết Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hứa Văn C:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của anh Hứa Văn C phù hợp với xác nhận của đại diện chính quyền địa phương và gia đình chị M là ông Nông Thanh T. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa anh Hứa Văn C và chị Nông Thị Sao M có mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống. Anh C, chị M mâu thuẫn với nhau thời gian dài, vợ chồng chung sống không hòa hợp, nội dung này đã được nguyên đơn anh Hứa Văn C và đại diện chính quyền địa phương và gia đình cung cấp. Vợ chồng sống ly thân từ thời điểm đầu năm 2024, sau đó đến tháng 6/2025 chị M đi xuất khẩu lao động cho đến nay. Hiện nay, vợ chồng mỗi người ở một nơi, không quan tâm, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, làm cho cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của pháp luật chấp nhận đề nghị xin ly hôn của anh Hứa Văn C với chị Nông Thị Sao M.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, anh C và chị M có 01 con chung là Hứa Trung K, sinh ngày 29/5/2021. Kể từ khi vợ chồng anh chị ly thân, cháu K vẫn sống cùng gia đình anh C tại Thôn K, xã M, tỉnh Tuyên Quang và được chăm sóc, nuôi dưỡng, học hành đầy đủ. Khi ly hôn, anh C đề nghị giao con chung cho anh nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi. Không đề nghị chị M phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị M đang đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài (Đài Loan), cháu K hiện tại đang ở cùng bố, vì vậy, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và nguyện vọng về việc nuôi con của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Hứa Trung K, sinh ngày 29/5/2021 cho anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung và vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Hứa Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình theo quy định; Chị Nông Thị Sao M không phải chịu án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Anh Chính, chị M được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 179; Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 474; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP, Nghị quyết Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hứa Văn C về việc ly hôn với chị Nông Thị Sao M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hứa Văn C được ly hôn với chị Nông Thị Sao M (*Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 01 tháng 4 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang - Nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung:

Giao cháu Hứa Trung K, sinh ngày 29/5/2021 cho anh Hứa Văn C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị Sao M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Hứa Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001089 ngày 25/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang (nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Tuyên Quang), (anh C đã nộp đủ tiền án phí). Chị Nông Thị Sao M không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Hứa Văn C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, chị Nông Thị Sao M vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn

01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 3 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang (để ghi Sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa



Ma Ngọc Trung